



**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

**THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG
DỰ ÁN RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**TÊN NHIỆM VỤ
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ
KHAI THÁC ĐƯỜNG SẮT
(thay thế QCVN 08: 2018/BGTVT)**

Cơ quan chủ trì: **Cục Đường sắt Việt Nam**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: **Phạm Đức Thuận**

HÀ NỘI, 2025

DỰ ÁN

RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

1. Tên gọi QCVN

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt (thay thế QCVN 08 :2018/BGTVT).

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn

2.1. Phạm vi

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn) quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với các công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt, tổ chức chạy tàu trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có kết nối ray vào đường sắt quốc gia đang khai thác, khổ đường 1000 mm, khổ đường 1435 mm và đường lồng (khổ 1000 mm và 1435 mm), có tốc độ thiết kế dưới 120 km/h nhằm bảo đảm an toàn giao thông vận tải đường sắt.

2.2. Đối tượng

Quy chuẩn này áp dụng cho tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến mạng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có kết nối ray vào đường sắt quốc gia.

3. Cơ quan, tổ chức/cá nhân đề nghị

Tên cơ quan: Cục Đường sắt Việt Nam

Địa chỉ: 120 Lê Duẩn - Hà Nội

Điện thoại: 0439427545 Fax: 0439427551

Chủ nhiệm nhiệm vụ: Phạm Đức Thuận – CV Phòng QLXD&KCHT Đường sắt, Cục ĐSVN.

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng

4. Tình hình đối tượng quy chuẩn kỹ thuật trong nước và ngoài nước

4.1 Ngoài nước

Trên thế giới ở những nước có đường sắt phát triển như các nước: Pháp, Đức, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc... đều có hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn chuyên ngành đường sắt hoàn chỉnh. Các hệ thống tiêu chuẩn này thường xuyên được hoàn chỉnh, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tế trong công tác xây dựng cũng như những tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới.

4.2 Trong nước

Đường sắt Việt nam đã được hình thành hơn một trăm năm nay, với chiều dài khoảng hơn 3000 km với tốc độ thiết kế < 120km/h với nhiều khổ đường

khác nhau (khổ hẹp và khổ lồng). Hiện nay, hoạt động khai thác vận tải trên mạng đường sắt quốc gia hiện hữu đang áp dụng chủ yếu các Quy chuẩn kỹ thuật sau:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu giao thông đường sắt, số hiệu: QCVN 06:2018/BGTVT.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khai thác đường sắt, số hiệu: QCVN 08: 2018/BGTVT.

5. Lý do và mục đích rà soát, sửa đổi quy chuẩn

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khai thác đường sắt, số hiệu: QCVN 08: 2018/BGTVT ban hành đến nay đã được hơn 5 năm. Trong quá trình áp dụng một số nội dung còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế, dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp.

- Luật Đường sắt (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 27/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Để các văn bản hướng dẫn có hiệu lực đồng thời với Luật, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (kèm theo Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025). Trong đó, Thủ tướng giao Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng Thông tư ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt (khoản 3 Điều 10, khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 47), thời hạn trình trước ngày 15/11/2025.

Vì những lý do trên, việc chỉnh sửa bổ sung QCVN 08: 2018/BGTVT nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại trong quá trình áp dụng cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt (sửa đổi) nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu trên mạng đường sắt quốc gia hiện hữu là hết sức cần thiết.

5.1. QCVN đáp ứng những mục tiêu quản lý sau đây:

- | | | | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---|-------------------------------------|
| + Đảm bảo an toàn | ☒ | + Bảo vệ động, thực vật | ☐ |
| + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe | ☐ | + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | ☒ |
| + Bảo vệ môi trường | ☐ | + Các mục tiêu quản lý khác (ghi rõ mục tiêu quản lý) | ☐ |
| + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia | ☐ | | |

5.2. QCVN dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy ☐

5.3. Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

- + Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên qua đến yêu cầu quản lý nêu trên.
- + Yêu cầu hài hòa trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực.

+ Các yêu cầu quản lý khác.

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| + Quy chuẩn kỹ thuật chung | ☒ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn | ☐ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường | ☐ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình | ☐ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ | ☐ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật khác | ☐ |

7. Những vấn đề sẽ quy định trong QCVN

7.1. Những vấn đề sẽ quy định (hoặc soát xét):

- | | | | |
|--|-------------------------------------|---|--------------------------|
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho lĩnh vực quản lý | ☒ | + An toàn thuốc bảo vệ thực vật | ☐ |
| + Quy định về kỹ thuật và quản lý kỹ thuật cho nhóm sản phẩm, dịch vụ, quá trình | ☒ | + An toàn thuốc thú y | ☐ |
| + An toàn sinh học | ☐ | + An toàn chế phẩm sinh học và hoá chất dùng cho động thực vật | ☐ |
| + An toàn cháy nổ | ☐ | + Yêu cầu về chất lượng môi trường xung quanh | ☐ |
| + An toàn cơ học | ☐ | + Yêu cầu về chất thải | ☐ |
| + An toàn công nghiệp | ☐ | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa | ☐ |
| + An toàn xây dựng | ☐ | + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa | ☐ |
| + An toàn hoá học | ☐ | + An toàn, vệ sinh trong dịch vụ kinh doanh, thương mại | ☐ |
| + An toàn điện | ☐ | + An toàn trong dịch vụ bưu chính viễn thông | ☐ |
| + An toàn thiết bị y tế | ☐ | + An toàn trong dịch vụ xây dựng | ☐ |
| + Tương thích điện từ trường | ☐ | + An toàn trong dịch vụ khoa học, giáo dục | ☐ |

- | | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|---|-------------------------------------|
| + An toàn bức xạ và hạt nhân | ☐ | + An toàn trong dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ | ☐ |
| + An toàn vệ sinh thực phẩm | ☐ | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ du lịch | ☐ |
| + An toàn dược phẩm | ☐ | + An toàn vệ sinh trong dịch vụ giải trí, văn hoá, thể thao | ☐ |
| + An toàn mỹ phẩm | ☐ | + An toàn trong dịch vụ vận tải | ☒ |
| + Vệ sinh an toàn thức ăn chăn nuôi | ☐ | + An toàn trong dịch vụ môi trường | ☐ |
| + An toàn phân bón | ☐ | + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác (liệt kê cụ thể) | ☐ |

7.2. *Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn (dự kiến):*

Phần 1. Quy định chung

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp

Phần 2. Quy định kỹ thuật

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp

Phần 3. Quy định về quản lý

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp

Phần 4. Tổ chức thực hiện

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp

Phụ lục.

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp

7.3. *Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế:* ☐ có ☐ không

(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)

8. **Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng**

8.1. *Phương thức thực hiện:*

- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tiêu chuẩn ☐
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác ☐
- + Xây dựng QCVN trên cơ sở QCVN gốc và các tài liệu khác ☒

8.2. *Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng QCVN* (bản sao kèm theo): QCVN 08: 2018/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt.

9. **Kiến nghị Ban soạn thảo QCVN**

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCVN: Cục Đường sắt Việt Nam

- Ban soạn thảo QCVN:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh
1	Nghiêm Tuấn Thành	PTP Phòng Vận tải – KHCN, Cục ĐSVN	Tổ trưởng Tổ soạn thảo
2	Phạm Đức Thuận	CV phòng QLXD-KCHTĐS, Cục ĐSVN	Chủ nhiệm
3	Trương Văn Duy	CVC Phòng Vận tải – KHCN, Cục ĐSVN	Thành viên, thư ký
4	Nguyễn Hữu Quang	CV phòng QLXD-KCHTĐS, Cục ĐSVN	Thành viên
5	Trần Văn Đức	CVC phòng QLXD-KCHTĐS, Cục ĐSVN	Thành viên
6	Hoàng Anh Dũng	Phó trưởng ban QLKCHTĐS – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên
7	Nguyễn Xuân Hà	Phó trưởng ban QLKCHTĐS – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên
8	Nguyễn Tuấn Anh	Phó trưởng ban Vận tải – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên
9	Vũ Mạnh Hùng	Chuyên viên Ban Đầu máy toa xe – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên
10	Đặng Thanh Cao	Chuyên viên Ban Đầu máy toa xe – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên
11	Nguyễn Đức Lân	Chuyên viên Ban Đầu máy toa xe – Tổng Công ty ĐSVN	Thành viên

10. Cơ quan phối hợp xây dựng QCVN

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCVN:

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

+ Tổng công ty ĐSVN.

+ Công ty Apatit.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến dự thảo QCVN:

+ Ủy Ban Tiêu chuẩn quốc gia - Bộ KH&CN.

+ Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng

- Dự kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến đóng góp cho dự theo QCVN:

+ Các Vụ: Vận tải và An toàn giao thông; KHCNMT&VLXD.

+ Cục Kết cấu hạ tầng – Bộ Xây dựng.

+ Các đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCVN gồm: Tcty ĐSVN, Công ty Apatit Việt Nam, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty Núi Hồng.

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCVN (Sửa đổi)	6/2025	7/2025
2	Biên soạn dự thảo QCVN - Lấy ý kiến chuyên gia - Hợp tổ biên soạn. - Hoàn chỉnh dự thảo QCVN, trình Bộ Xây dựng để lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.	7/2025	8/2025
3	Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi - Trình Bộ Xây dựng dự thảo QCVN kèm theo thuyết minh đến cơ quan, tổ chức, cá nhân để lấy ý kiến. Đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên cổng thông tin điện tử. - Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo QCVN và lập hồ sơ dự thảo QCVN.	8/2025	9/2025
4	Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCVN trình duyệt	9/2025	10/2025
5	Thẩm định dự thảo cấp Bộ Xây dựng	10/2025	10/2025
6	Thẩm định dự thảo tại Ủy ban Tiêu chuẩn quốc gia – Bộ KHCN	10/2025	11/2025
7	Ban hành QCVN (Bộ Xây dựng)	11/2025	11/2025

12. Dự toán kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: 0 đồng. Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 0 đồng
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: Không
- Nguồn khác: Không

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CƠ QUAN CHỦ TRÌ XÂY DỰNG
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CHỦ NHIỆM



Phạm Đức Thuận



Võ Thanh Hiền

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
Phó Cục trưởng Võ Thanh Hiền, ký

* **Đơn vị trình** (Chủ trì): Phòng Vận tải - Khoa học Công nghệ

- Chuyên viên soạn thảo: Trương Văn Duy

* **Đơn vị phối hợp:** Không

* **Tóm tắt nội dung trình:**

Phê duyệt đề cương dự toán nhiệm vụ rà soát, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật do Cục Đường sắt Việt Nam được giao chủ trì năm 2025.

* **Văn bản, tài liệu kèm theo:**

* **Độ mật:**

Mật ☐ Tối mật ☐ Tuyệt mật ☐

* **Độ khẩn:**

Hoả tốc ☐ Khẩn ☐ Thường khẩn ☐

* **Điện thoại khi cần thiết cho đơn vị soạn thảo văn bản sau khi phát hành:**

Điện thoại: 02439410153

* **Ghi chú:**

* **Lãnh đạo Đơn vị trình** (Chủ trì):

- Họ tên: Nghiêm Tuấn Thành

- Chức danh: P. Trưởng phòng

Chữ ký :



Ý kiến giải quyết của Phó Cục trưởng:

